

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HIỆP HÒA  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 20 tháng 8 năm 2022  
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Chuyên

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Ngọc Trứ

2. Ông Nguyễn Xuân Trường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Huệ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Thúy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 141/2022/TLST-DS ngày 03/6/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vương Thị Thúy L, sinh năm 1995. Cư trú: Số 98, đường PDP, phường MK, thành phố Hưng Yên, Hưng Yên.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1995. Cư trú: Đội 3, thôn Kh, xã ĐL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự đều vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Tại đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn là chị Vương Thị Thúy L trình bày: Chị và anh Đỗ Văn Đ kết hôn ngày 13/7/2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐL, huyện Hiệp Hòa. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn chị về gia đình anh Đ làm dâu, vợ chồng sống cùng gia đình anh Đ đến khoảng đầu năm 2020 thì do vợ chồng mâu thuẫn nên chị đưa con về nhà mẹ đẻ ở Hưng Yên để sinh sống và đi làm. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do kinh tế, tài chính, chi tiêu trong sinh hoạt hàng ngày, hơn nữa vợ chồng cũng không còn tin tưởng nhau. Nên vợ chồng lạnh nhạt, thường xảy ra cãi nhau, vợ chồng ngày xa cách. Vào đầu năm 2020 anh Đ đuổi chị

ra khỏi nhà. Vợ chồng sống ly thân kể từ đó đến nay. Gia đình hai bên có hoà giải nhưng chị xác định khả năng đoàn tụ vợ chồng là không được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Thành Nh, sinh ngày 31/10/2017, hiện nay con chung đang ở cùng chị, cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Vợ chồng ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm nhân viên kinh doanh, mức thu nhập bình quân hàng tháng là khoảng 20 triệu đồng, đảm bảo được cuộc sống cho chị và con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do điều kiện công việc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

\* Bị đơn là anh Đỗ Văn Đ không đến Toà án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* Qua làm việc với ông Trần Tiến L- Trưởng thôn Khoát, xã ĐL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Ông L cho biết: Anh Đỗ Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại Đội 3, thôn Kh, xã ĐL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Anh Đ kết hôn với chị Vương Thị Thúy L vào năm 2017. Sau khi kết hôn chị L về làm dâu nhà anh Đ. Đến khoảng năm 2020 thì chị L bỏ nhà đi cho đến nay. Vợ chồng có những mâu thuẫn gì thì ông không nắm được. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh Đ thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Về con chung: Vợ chồng anh Đ chị L có một con chung, vợ chồng ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng thì ông không nắm được.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ tình cảm: Chị Vương Thị Thúy L được ly hôn anh Đỗ Văn Đ.

Về con chung: Giao con chung là Đỗ Thành Nh, sinh ngày 31/10/2017 cho chị Vương Thị Thúy L nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết do chị L không yêu cầu.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về việc vắng mặt các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn là chị Vương Thị Thúy L đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Đỗ Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về thẩm quyền: Chị Vương Thị Thúy L yêu cầu ly hôn anh Đỗ Văn Đ. Anh Đ cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị Thúy L và anh Đỗ Văn Đ kết hôn ngày 13/7/2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của chị L và các tài liệu trong hồ sơ xác định được trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng hiện không còn chung sống với nhau. Anh Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị L. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị L được ly hôn anh Đ (theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình).

[4] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đỗ Thành Nh, sinh ngày 31/10/2017. Hiện con chung đang ở cùng chị L. Vợ chồng ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Anh Đ không đến Tòa án làm việc, không có yêu cầu gì về con chung. Để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường về tâm lý và tình cảm, đồng thời để giảm thiểu sự xáo trộn về môi trường sống của con chung nên cần giao con chung cho chị Vương Thị Thúy L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Về quan hệ tình cảm: Chị Vương Thị Thúy L được ly hôn anh Đỗ Văn Đ.

2, Về con chung: Giao con chung là Đỗ Thành Nh, sinh ngày 31/10/2017 cho chị Vương Thị Thúy L nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3, Về án phí: Chị Vương Thị Thúy L phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008078 ngày 03/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị L đã thi hành xong án phí DSST.

4, Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã ĐL;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Chuyên**